

## Bài 2: Quốc Hiệu

Tranh đấu:	<i>struggle, fighting</i>	Đô hộ:	<i>rule, conquer</i>
Độc lập:	<i>independent</i>	Thời đại:	<i>era</i>
Chủng tộc:	<i>race</i>	Cơ nghiệp:	<i>empire</i>

Quốc Hiệu	Năm	Người Đặt
Đại Cồ Việt	968	Đinh Tiên Hoàng
Đại Việt	1054	Lý Thánh Tông
Đại Ngu	1400	Hồ Quý Ly
Đại Việt	1428	Lê Thái Tổ
Việt Nam	1804	Gia Long
Đại Nam	1838	Minh Mạng
Việt Nam	1945	Bảo Đại

Sau một thời gian dài tranh đấu liên tục từ thời Hai Bà Trưng để thoát khỏi sự đô hộ của Trung Hoa, nước ta chính thức độc lập khi Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán năm 938. Tuy nhiên, quốc hiệu của nước ta chưa được đặt cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua năm 968. Sau đây là quốc hiệu của nước ta trải qua các thời đại:

**Đại Cồ Việt:** Quốc hiệu này là một danh từ ghép. **Đại** có nghĩa là lớn; **Cồ** có nghĩa là một loại chim ưng lớn mắt sáng; **Việt** là từ ngữ để chỉ chủng tộc Việt trong nhóm Bách Việt. **Đại Cồ Việt** có thể hiểu một cách đơn giản là “nước Việt có chim ưng lớn mắt sáng” hay “nước Việt lớn có loại chim ưng mắt sáng”.

**Đại Việt:** **Đại** có nghĩa là lớn. **Đại Việt** có nghĩa là nước Việt lớn.

**Đại Ngu:** **Đại** là lớn. **Ngu** là tên một triều đại xưa của Trung Hoa. Dưới thời nhà Ngu, nước Trung Hoa rất thịnh vượng. Có lẽ Hồ Quý Ly có ý muốn nước ta được thịnh trị như Trung Hoa dưới thời nhà Ngu khi xưa nên đặt tên nước ta là **Đại Ngu**.

**Việt Nam:** **Nam** là An Nam, tên của vua Tống (Trung Hoa) đặt cho nước ta khi xưa. **Việt** là Việt Thường. Hùng Vương, con của Lạc Long Quân và bà Âu Cơ, khi xưa chia nước Văn Lang ra thành 15 bộ. Việt Thường là tên của một bộ trong 15 bộ này.

**Đại Nam:** **Đại** là lớn. **Nam** là vì Chúa Nguyễn khi xưa dựng nên cơ nghiệp ở phía Nam. Đại Nam đơn giản có nghĩa là nước Việt lớn ở phía Nam.

## ***Trả Lời Câu Hỏi***

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Nước ta chính thức độc lập khi nào?

---

---

---

2. Đại Cồ Việt có nghĩa là gì?

---

---

---

3. Ai đã đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt cho nước ta?

---

---

---

4. Nước Văn Lang được chia ra thành bao nhiêu bộ?

---

---

---

5. Quốc hiệu Việt Nam được đặt ra vào những năm nào?

---

---

---

## **Ngữ Vựng**

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Sau một thời gian dài tranh đấu **liên tục** từ thời Hai Bà Trưng để thoát khỏi sự đô hộ của Trung Hoa... Từ “**liên tục**” có nghĩa là:
  - Bị gián đoạn.
  - Không bị gián đoạn.
  - Mạnh mẽ.
2. ...nước ta chính thức **độc lập** khi Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán năm 938. Từ “**độc lập**” có nghĩa là:
  - Bị đô hộ.
  - Bị tiêu diệt.
  - Tự mình làm chủ.
3. Tuy nhiên, **quốc hiệu** của nước ta chưa được đặt cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua năm 968. Từ “**quốc hiệu**” có nghĩa là:
  - Tên của một người.
  - Tên của một nước.
  - Tên của một tỉnh.
4. Dưới thời nhà Ngu, nước Trung Hoa rất **thịnh vượng**. Từ “**thịnh vượng**” có nghĩa là:
  - Đông người.
  - Giàu có.
  - Nghèo đói.
5. ...Chúa Nguyễn khi xưa dựng nên **cơ nghiệp** ở phía Nam. Từ “**cơ nghiệp**” có nghĩa là:
  - Cung đình nguy nga.
  - Quân đội mạnh mẽ.
  - Sự nghiệp to lớn, lâu dài.
6. Đại Nam **đơn giản** có nghĩa là nước Việt lớn ở phía Nam. Từ “**đơn giản**” có nghĩa là:
  - Dễ quên.
  - Không rắc rối, dễ hiểu.
  - Rắc rối, khó hiểu.

## *Thêm Dấu*

(Đọc cho các em thêm dấu.)

*Nước ta chính thức độc lập khi Ngô Quyền  
đánh đuổi quan Nam Hán năm 938.*

---

*Quốc hiệu của nước ta chưa được đặt cho  
đến khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua năm  
968.*

---

*Hung Vương, con của Lạc Long Quân và  
bà Âu Cơ, khi xưa chia nước Văn Lang ra  
thành 15 bộ.*

## ***Chính Tả***

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

---

---

---

---

---

## ***Sửa Lỗi Chính Tả***

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

*Đại Cồ Việt có thể hiểu một cách đơn giản là “nước Việt có chim ưng lớn, mắt sáng” hay “nước Việt lớn có loại chim ưng mắt sáng”. (3 lỗi)*

---

---

---

---

---

*Việt Thường là tên của một bộ chong 15 bộ nài. (3 lỗi)*

---

---

---

---

## ***Tập Làm Văn – Khi Nào?***

Để giúp cho người đọc hiểu rõ hơn, ngoài chi tiết về nơi chốn, người ta còn thêm chi tiết về thời gian bằng cách đặt các câu hỏi như:

*Khi nào? Lúc nào? Hối nào? ...*

Thí dụ:

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà.

Để cho câu này rõ ý hơn chúng ta đặt những câu hỏi về thời gian như sau:

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà khi nào? mỗi sáng Thứ Bảy

Ráp lại, ta sẽ có câu như sau:

*Mỗi sáng Thứ Bảy*, mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà.

### ***Bảng Từ***

<b>Chúa Nhật</b> ( <i>Sunday</i> )	<b>Thứ Hai</b> ( <i>Monday</i> )
<b>Thứ Ba</b> ( <i>Tuesday</i> )	<b>Thứ Tư</b> ( <i>Wednesday</i> )
<b>Thứ Năm</b> ( <i>Thursday</i> )	<b>Thứ Sáu</b> ( <i>Friday</i> )
<b>Thứ Bảy</b> ( <i>Saturday</i> )	<b>mỗi ngày</b> ( <i>every day</i> )
<b>mỗi tuần</b> ( <i>every week</i> )	<b>mỗi tháng</b> ( <i>every month</i> )
<b>mỗi năm</b> ( <i>every year</i> )	<b>buổi sáng</b> ( <i>morning</i> )
<b>buổi trưa</b> ( <i>noon</i> )	<b>buổi chiều</b> ( <i>afternoon, evening</i> )
<b>buổi tối</b> ( <i>night</i> )	<b>hôm qua</b> ( <i>yesterday</i> )
<b>hôm nay</b> ( <i>today</i> )	<b>ngày mai</b> ( <i>tomorrow</i> )

Muốn thêm chi tiết về thời gian chúng ta phải chú ý đến các giới từ chỉ thời gian như:

*Khi, lúc, hồi, vào, từ khi, trước khi, sau khi, đến khi, v.v..*

Thí dụ:

Ông thích uống trà.

Chúng ta tự hỏi:

Ông thích uống trà khi nào?

Chúng ta có thể trả lời câu hỏi trên như sau (chú ý tới những giới từ):

<i>khi</i>	<i>khi</i> đọc báo	<i>từ khi</i>	<i>từ khi</i> về hưu
<i>lúc</i>	<i>lúc</i> trước	<i>trước khi</i>	<i>trước khi</i> đi ngủ
<i>hồi</i>	<i>hồi</i> xưa	<i>sau khi</i>	<i>sau khi</i> ăn xong
<i>vào</i>	<i>vào</i> buổi sáng	<i>tới khi</i>	<i>tới khi</i> tan tiệc

Trong trường hợp này chúng ta chọn: “*vào buổi sáng*”.

Ráp lại chúng ta sẽ có câu như sau:

Ông thích uống trà *vào buổi sáng*.

## ***Bài Tập – Tập Làm Văn (Khi Nào?)***

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Bé Mai khóc đòi theo mẹ đi chợ.

---

---

---

2. Các bạn học cười nói vui vẻ ngoài sân.

---

---

---

3. Anh Tâm chở mẹ ra phi trường để về Việt Nam.

---

---

---

4. Anh Hùng ăn điểm tâm.

---

---

---

5. Gia đình tôi về quê thăm bà nội.

---

---

---